|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG ––––––** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  –––––––––––––––––––––––** |
| Số:  /2019/QĐ-UBND | *Bắc Giang, ngày   tháng 7 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**–––––––––––**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số:*[*118/2015/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-118-2015-nd-cp-huong-dan-luat-dau-tu-281054.aspx)*ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số*[*43/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-dat-dai-230680.aspx)*ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số*[*01/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-01-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-337031.aspx)*ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số*[*135/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-135-2016-nd-cp-sua-doi-quy-dinh-thu-tien-su-dung-dat-thu-tien-thue-dat-thue-mat-nuoc-321851.aspx)*ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị đính số*[*123/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-123-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-ve-thu-tien-su-dung-dat-thu-tien-thue-dat-thue-mat-nuoc-367263.aspx)*ngày 14/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số……..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày  tháng 7 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ: TP, KHĐT, TC; - TT.TU, TT.HĐND tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - UBMTTQVN tỉnh; - CT, các PCT.UBND tỉnh; - LĐVP, TH; TN, ĐT; - Trung tâm Công báo; - Sở Tư pháp; - Lưu: VT, TN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Linh** |

**QUY CHẾ**

**Phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày ……tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**––––––––––––––**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư được chấp thuận đầu tư, cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư (sau đây gọi chung là chấp thuận đầu tư).

b) Quy chế này không áp dụng đối với:

- Các dự án thực hiện theo Luật Đầu tư tư công.

- Các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác đối tác công tư (PPP).

- Các dự án do UBND cấp huyện giao đất, cho thuê đất nhưng không có văn bản chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh.

- Các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

c) Những nội dung khác không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc kiểm tra, xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư được chấp thuận đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

1. Cơ quan chủ trì và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư khách quan, chính xác, kịp thời, hiệu quả theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật để đảm bảo tối đa quyền lợi của nhà đầu tư và đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định liên quan khác.

2. Nội dung phối hợp phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, các cấp chính quyền địa phương. Cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm trong quá trình rà soát, kiểm tra, cho ý kiến và xử lý các dự án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp để lấy ý kiến. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm xem xét và giải quyết trong thời gian quy định khi nhận được đề nghị cho ý kiến của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả phối hợp.

4. Việc phối hợp giữa các cơ quan phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các bên tham gia, đồng thời tạo điều kiện để các bên hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Phương thức phối hợp**

1. Quá trình thực hiện các nội dung phối hợp do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác tham gia phối hợp giải quyết công việc. Căn cứ vào tính chất, nội dung của công tác quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các phương thức phối hợp sau:

a) Tổ chức làm việc tập trung thông qua các cuộc họp trực tiếp để các bên tham gia thảo luận, thống nhất và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận làm việc;

b) Gửi các quyết định, văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án đầu tư tới các sở, ngành và địa phương có liên quan để tổng hợp, báo cáo. Cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Thời gian có ý kiến của các cơ quan, đơn vị phối hợp được tính đến thời điểm cơ quan chủ trì nhận được văn bản trả lời qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của tỉnh;

c) Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để tổ chức kiểm tra các dự án. Đoàn kiểm tra liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt;

d) Yêu cầu cơ quan phối hợp cung cấp thông tin chuyên ngành về dự án đầu tư đến cơ quan chủ trì để theo dõi, tham mưu, xử lý;

đ) Cơ quan chủ trì có thể phối hợp các hình thức giải quyết trên để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc.

2. Các quyết định, hướng dẫn, kết quả xử lý, kết luận, kiến nghị và các văn bản khác liên quan đến các dự án đầu tư thì cơ quan chủ trì gửi các cơ quan phối hợp 01 (một) bản để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

**Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Lập, trình phê duyệt Danh mục các dự án được kiểm tra.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra các dự án đã được đưa vào Danh mục các dự án được kiểm tra.

3. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra các dự án và đề xuất hình thức xử lý đối với các dự án sau kiểm tra; tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra và các hình thức xử lý đối với các dự án sau kiểm tra.

4. Xử lý các dự án sau khi có quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra.

**Chương II**

**CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KIỂM TRA VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN**

**Mục 1**

**CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KIỂM TRA**

**Điều 5. Rà soát, lập danh mục các dự án được kiểm tra**

1. Rà soát, lập danh mục các dự án được kiểm tra định kỳ hằng năm

a) Trước ngày 31/10 hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập danh mục các dự án được kiểm tra (theo Mẫu M1), trong đó tập trung vào các dự án chậm tiến độ, đầu tư sai mục tiêu và các dự án có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- UBND cấp huyện lập Danh mục các dự án được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư trên địa bàn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các dự án đã được giao đất/cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Sở Xây dựng lập danh mục các dự án đầu tư khu đô thị, dự án phát triển nhà ở.

- Sở Công Thương lập danh mục các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp lập danh mục các dự án trong các khu công nghiệp được chấp thuận đầu tư.

- Cục Thuế tỉnh chủ trì rà soát các nhà đầu tư có các dự án đã được nhà nước giao đất/cho thuê đất nhưng không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính chưa đầy đủ, quá thời hạn;

b) Trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư do UBND cấp huyện, các sở, ngành đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, gửi Thanh tra tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án kiểm tra trước ngày 31/12 hằng năm làm căn cứ xây dựng kế hoạch kiểm tra nhằm đảm bảo không có sự trùng lặp các đoàn kiểm tra đối với một dự án.

2. Ngoài các dự án do các sở, ngành, UBND cấp huyện đề xuất kiểm tra định kỳ hằng năm nêu tại Khoản 1, Điều này, các cơ quan, đơn vị có thể đề xuất bổ sung các dự án có dấu hiệu vi phạm cần kiểm tra, xử lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp gửi Thanh tra tỉnh trình UBND tỉnh bổ sung danh mục kiểm tra.

**Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra**

Các cơ quan được giao chủ trì kiểm tra các dự án (được phân công tại Điều 21 Quy chế này) chủ động xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra trước ngày 15/3 hằng năm nhằm đảm bảo có đủ thời gian để triển khai các công việc liên quan. Kế hoạch kiểm tra phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích, yêu cầu kiểm tra.

- Đối tượng kiểm tra, danh mục các dự án kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra.

- Thời gian và địa điểm kiểm tra.

- Phương pháp kiểm tra.

- Thành phần đoàn kiểm tra, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên đoàn kiểm tra.

- Thời hạn kiểm tra, thời hạn lập báo cáo kết quả kiểm tra.

- Kinh phí tổ chức kiểm tra.

**Điều 7. Thành lập đoàn kiểm tra**

Tùy thuộc vào các nội dung kiểm tra, cơ quan chủ trì kiểm tra các dự án chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được ban hành trước thời gian đoàn kiểm tra bắt đầu kiểm tra tối thiểu 30 ngày.

**Điều 8. Các công tác chuẩn bị khác**

1. Cơ quan chủ trì kiểm tra xây dựng Đề cương báo cáo của các nhà đầu tư, chủ đầu tư, dự thảo biên bản kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra.

2. Khảo sát, thu thập thông tin phục vụ công tác kiểm tra

Trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan chủ trì đợt kiểm tra có văn bản yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án đầu tư, đồng thời gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án về cơ quan chủ trì đợt kiểm tra trước ít nhất 07 ngày trước khi tiến hành kiểm tra thực địa dự án.

3. Thông báo lịch kiểm tra

Trước khi tiến hành kiểm tra dự án tại thực địa, cơ quan chủ trì đợt kiểm tra phải gửi văn bản thông báo lịch kiểm tra đến các nhà đầu tư, chủ đầu tư trước tối thiểu 05 ngày làm việc. Thông báo lịch kiểm tra phải bảo gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Nội dung kiểm tra;

b) Thành phần đoàn kiểm tra;

c) Thời gian kiểm tra;

d) Địa điểm kiểm tra;

c) Yêu cầu hồ sơ, tài liệu các nhà đầu tư, chủ đầu tư phải chuẩn bị.

**Mục 2**

**TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA**

**Điều 9. Kiểm tra các dự án trên thực địa**

1. Đoàn kiểm tra phối hợp với nhà đầu tư tiến hành kiểm tra dự án/khu đất tại thực địa.

2. Nội dung phối hợp kiểm tra:

a) Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực đầu tư (thủ tục đầu tư, chuẩn bị đầu tư, tiến độ triển khai dự án so với cam kết, các nội dung có liên quan khác) đối với trường hợp có dự án đầu tư;

b) Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng (quy hoạch xây dựng, việc chấp hành pháp luật trong hoạt động xây dựng, hoạt động đầu tư kinh doanh của dự án và các nội dung liên quan);

c) Việc chấp hành pháp luật đất đai: Kiểm tra việc sử dụng đất, tiến độ sử dụng đất;

d) Việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách các khoản thu về đất và các nội dung có liên quan khác đến pháp luật về đất đai.

3. Sau khi tiến hành kiểm tra hiện trạng dự án, Đoàn kiểm tra lập Biên bản kiểm tra thông qua đối tượng kiểm tra làm cơ sở cho kết luận, xử lý dự án được kiểm tra.

Đối với trường hợp đại diện chủ đầu tư theo pháp luật vắng mặt thì phải có Giấy ủy quyền. Mọi giao dịch của người được ủy quyền đối với cuộc kiểm tra có giá trị pháp lý như người đại diện theo pháp luật.

**Điều 10. Các hình thức xem xét xử lý**

Căn cứ vào kết quả kiểm tra tại thực địa và báo cáo do các nhà đầu tư cung cấp, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh hình thức xử lý phù hợp với từng dự án. Cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư

Tùy vào tính chất, mức độ hoàn thành các thủ tục đầu tư và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan chủ trì đợt kiểm tra tổng hợp, phân loại các vướng mắc của các nhà đầu tư, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, phân công cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư.

2. Cho phép giãn, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

3. Gia hạn sử dụng đất.

4. Xử phạt vi phạm hành chính.

5. Chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi và hủy bỏ các văn bản pháp lý có liên quan.

6. Hình thức xử lý khác (nếu có).

**Điều 11. Lập báo cáo kết quả kiểm tra**

1. Kết thúc đợt kiểm tra, cơ quan chủ trì lập dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, gửi xin ý kiến các thành viên đoàn kiểm tra, các cơ quan liên quan (bằng văn bản hoặc tổ chức hội nghị xin ý kiến) để thống nhất kết luận các nội dung kiểm tra; đồng thời thông qua dự thảo kết luận về kết quả kiểm tra đối với đối tượng kiểm tra.

2. Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Công tác tổ chức, triển khai thực hiện

b) Kết quả kiểm tra, trong đó kết quả kiểm tra của từng dự án phải làm rõ các nội dung chủ yếu sau:

- Các thủ tục pháp lý để triển khai thực hiện của dự án;

- Tiến độ thực hiện dự án, hạng mục công trình đã xây dựng, diện tích đất đã đưa vào sử dụng trên thực địa đến thời điểm kiểm tra (nếu có); việc thực hiện các mục tiêu của dự án;

- Các nội dung vi phạm (nếu có);

- Kiến nghị các hình thức xử lý theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

c) Kiến nghị, đề xuất.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra

Sau khi xin ý kiến các thành viên đoàn kiểm tra, các cơ quan, đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì kiểm tra hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kết quả kiểm tra.

**Điều 12. Phê duyệt kết quả kiểm tra**

1. Căn cứ tờ trình, báo cáo của cơ quan chủ trì kiểm tra, UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra.

2. Quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Hình thức xử lý từng dự án theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và các căn cứ xử lý;

b) Phân công cơ quan chủ trì liên quan xử lý theo từng nội dung cụ thể đối với từng dự án;

c) Đối với trường hợp cho phép giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, gia hạn sử dụng đất phải nêu rõ thời gian cho phép giãn, điều chỉnh tiến độ của từng dự án, mốc thời gian cho giãn, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, thời gian gia hạn sử dụng đất.

**Điều 13. Thông báo Quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra**

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh, cơ quan chủ trì kiểm tra gửi thông báo bằng văn bản (kèm theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra) thông báo đến các nhà đầu tư, chủ đầu tư có các dự án được kiểm tra; đồng thời gửi các sở, ngành, UBND cấp huyện (nơi có dự án) để phối hợp, theo dõi hoặc xử lý.

**Chương III**

**XỬ LÝ CÁC DỰ ÁN** **SAU KIỂM TRA**

**Điều 14.** **Nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian được giãn, điều chỉnh tiến độ dự án, gia hạn sử dụng đất**

1. Đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng và được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương gia hạn sử dụng đất tại văn bản phê duyệt kết quả kiểm tra nêu tại Điều 12 Quy chế này, Nhà đầu tư phải nộp bổ sung khoản tiền trong thời gian được gia hạn sử dụng đất.

2. Cơ quan thuế căn cứ văn bản đồng ý chủ trương gia hạn sử dụng đất của UBND tỉnh để thu khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất.

**Điều 15. Giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư**

1. Giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với các dự án được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư

a) Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh, các nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư (Đối với các dự án bên ngoài các khu công nghiệp), Ban Quản lý các khu công nghiệp (Đối với các dự án trong các khu công nghiệp) để xem xét chấp thuận giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư;

b) Hồ sơ đề nghị giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với các dự án đầu tư khu đô thị, dự án phát triển nhà ở

Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện dự án căn cứ quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh, thực hiện ký phụ lục hợp đồng thực hiện dự án với nhà đầu tư về việc giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

3. Giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp.

a) Đối với các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, việc xem xét giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều này;

b) Đối với các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp không được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Sở Công thương tham mưu với UBND tỉnh thực hiện điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định.

4. Đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất được chấp thuận giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này, chỉ đồng ý chấp thuận giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án hoặc ký phụ lục hợp đồng với nhà đầu tư về việc giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án sau khi các nhà đầu tư đã nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

**Điều 16. Gia hạn sử dụng đất**

1. Đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng và được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương gia hạn sử dụng đất tại văn bản phê duyệt kết quả kiểm tra nêu tại Điều 12 Quy chế này, nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với người sử dụng đất là tổ chức) hoặc UBND cấp huyện (đối với trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân) để xem xét gia hạn sử dụng đất.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Chỉ đồng ý chấp thuận gia hạn sử dụng đất sau khi các nhà đầu tư đã nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

**Điều 17. Chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư và các văn bản pháp lý có liên quan đối với các dự án không được chấp thuận gia hạn, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án**

1. Đối với các dự án được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư.

2. Đối với các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp

a) Đối với các cụm công nghiệp thực hiện giao chủ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi văn bản chấp thuận đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư;

a) Đối với các cụm công nghiệp thực hiện giao chủ đầu tư không theo quy định của Luật Đầu tư: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý theo quy định về quản lý và phát triển các cụm công nghiệp và các quy định liên quan.

3. Đối với các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thu hồi văn bản chấp thuận dự án đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Thu hồi đất**

Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 5, Điều 9 Quy chế này, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên môi trường cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện thu hồi đất đối với các dự án thuộc diện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, đồng thời tham mưu xử lý tài sản trên đất (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Xử lý khác**

Trong quá trình kiểm tra, khi đoàn kiểm tra phát hiện các sai phạm của nhà đầu tư cần phải xem xét xử lý ngay để đảm bảo tính kịp thời, cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý các vi phạm của nhà đầu tư theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.

**Điều 20. Xử lý các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án nhưng hết thời gian được giãn, điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không triển khai thực hiện**

1. UBND cấp huyện nơi có dự án có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ, hàng năm báo cáo UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan kết quả thực hiện của nhà đầu tư.

2. Trường hợp hết thời gian được giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ mà nhà đầu tư vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan kiểm tra thực địa dự án, hoàn thiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án, tham mưu UBND tỉnh hủy bỏ các văn bản pháp lý có liên quan đối với các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp;

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh thu hồi quyết định giao chủ đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan đối với các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở;

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh thu hồi quyết định giao chủ đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan đối với các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN;

d) Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh, UBND cấp huyện thu hồi đất, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư đã được giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư đã được gia hạn sử dụng đất 24 tháng, hết thời hạn được gia hạn mà nhà đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng. Nhà đầu tư bị thu hồi đất mà không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Luật Đất đai.

**Chương IV**

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp danh mục các dự án đề nghị kiểm tra do các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện đề xuất báo cáo Thanh tra tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì kiểm tra các dự án được chấp thuận đầu tư nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất;

c) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các dự án được giao chủ trì kiểm tra;

d) Thực hiện giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đối với các trường hợp được giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và Quy chế này;

d) Thực hiện chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư đối với các dự án vi phạm theo quy định của Luật Đầu tư;

e) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy chế này.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập danh mục các dự án đề nghị kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quy chế này;

b) Chủ trì kiểm tra các dự án trong các khu công nghiệp;

c) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các dự án được giao chủ trì kiểm tra;

d) Ban hành quyết định chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư đối với các dự án vi phạm theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Đề xuất danh mục các dự án đã được giao đất, cho thuê đất cần kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quy chế này;

b) Chủ trì kiểm tra các dự án đã được giao đất, cho thuê đất (trừ các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở; các dự án trong các khu công nghiệp; các dự án đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp);

c) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các dự án được giao chủ trì kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với UBND tỉnh theo quy định;

d) Tham mưu với UBND tỉnh gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp đủ điều kiện gia hạn sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

e) Tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, hướng dẫn nhà đầu tư chuyển quyền sử dụng đất, bán tài sản hợp pháp gắn liền với đất cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

4. Sở Xây dựng

a) Đề xuất danh mục các dự án cần kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quy chế này;

b) Chủ trì kiểm tra các dự án các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở;

c) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các dự án được giao chủ trì kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với UBND tỉnh theo quy định;

d) Tham mưu với UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định tại Quy chế này và pháp luật liên quan.

5. Sở Công Thương

a) Đề xuất danh mục các dự án đã được giao đất, cho thuê đất cần kiểm tra gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quy chế này;

b) Chủ trì kiểm tra các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp;

c) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với các dự án được giao chủ trì kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với UBND tỉnh theo quy định;

d) Tham mưu với UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định tại Quy chế này và pháp luật liên quan.

6. Cục Thuế tỉnh

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh về thời gian được giãn tiến độ của dự án, xác định khoản tiền phải nộp bổ sung và thông báo nhà đầu tư nộp ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời. Trường hợp nhà đầu tư không chấp hành nộp hoặc nộp không đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính đã thông báo thì thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật, nếu nhà đầu tư không chấp hành thì lập đầy đủ các hồ sơ để chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xem xét, thu hồi đất đúng quy định.

7. Thanh tra tỉnh

Thẩm định Danh mục các dự án đầu tư đề nghị kiểm tra trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo tránh sự trùng lặp nhiều đoàn thành tra, kiểm tra đối với một dự án, nhà đầu tư.

8. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan trong việc đảm bảo công tác an ninh, an toàn quá trình cưỡng chế thu hồi đất các dự án chậm tiến độ;

9. Các sở, ban, ngành có liên quan khác

a) Các sở, ban, ngành có liên quan khác căn cứ quy định của pháp luật liên quan để thực hiện thu hồi, hủy bỏ hoặc tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi, hủy bỏ các giấy phép, hồ sơ pháp lý đã cấp cho dự án đầu tư;

b) Phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết các nội dung, công việc liên quan đến ngành khi có yêu cầu.

10. UBND cấp huyện

a) Đề xuất danh mục các dự án cần kiểm tra trên địa bàn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo Quy chế này;

b) Phối hợp với các sở, ngành thực hiện kiểm tra các dự án theo Quy chế này;

c) Thực hiện ký phụ lục hợp đồng thực hiện dự án về việc giãn tiến độ, điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở theo quy chế này và pháp luật có liên quan;

d) Thực hiện gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp được gia hạn sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Quy chế này;

đ) Chỉ đạo Chi Cục thuế thực hiện thu khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp được gia hạn sử dụng đất theo Quy chế này và pháp luật có liên quan.

**Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

|  |
| --- |
| **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Linh** |

**Mẫu M1**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**

*(Kèm theo Quyết định số …./2019/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang*

*–––––––––––––––*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dự án | Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư | Địa điểm thực hiện dự án | Chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/hoặc văn bản tương đương khác | | Tình hình giao đất, thuê đất(\*) | | Ghi chú |
| Số | Ngày cấp | Đã được giao đất, cho thuê đất hoặc cho thuê đất một phần | Chưa được giao đất, cho thuê đất |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | ……. |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(\*) Đánh dấu (X) và ô tương ứng*